**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ GIÁ RAI**
**TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2019
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Giang Thị Cẩm Thúy**

*Các Hội thẩm nhân dân:*
**1. Ông Nguyễn Thành Nhạn**
**2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng**

*Thư ký phiên tòa*: **Ông Nguyễn Văn Phai** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai*: **Bà Phan Ngọc Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Giang Thuỳ L** sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp Khúc T, xã Tân P, thị xã G, tỉnh B (vắng mặt có đơn).

Bị đơn: Anh **Phạm Thanh B** sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp Khúc T, xã Tân P, thị xã G, tỉnh B (vắng mặt có đơn).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn là chị Giang Thuỳ L trình bày tại đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh B chung sống từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chị yêu cầu ly hôn với anh B vì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc.

Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Phạm Ngọc D sinh năm 1994, Phạm Diễm M sinh năm 1996, Phạm Diễm T sinh năm 1997 và Phạm Thanh N sinh ngày 09/7/2005. Chị yêu cầu nhận tiếp tục nuôi con tên N, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, 03 con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Thanh B trình bày tại các lời khai: Anh thống nhất với chị L về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn và các con chung. Về quan hệ vợ chồng anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Về con chung đồng ý giao chị L nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng điểm b, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 và áp dụng điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14: Không công nhận chị Giang Thuỳ L và anh Phạm Thanh B là vợ chồng, về con chung: Giao chị Giang Thuỳ L nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Thanh N sinh ngày 09/7/2005, không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Giang Thùy Linh và bị đơn là anh Phạm Thanh B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt gửi đến Toà án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị L theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Giang Thuỳ L và anh Phạm Thanh B thống nhất chung sống từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Hai bên thống nhất ly hôn do khi sống chung không có sự hòa hợp và có nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy chị L và anh B đã thống nhất việc ly hôn nhưng không thể ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự do cả hai đều xác định chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó việc chung sống như vợ chồng của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014 và khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án không xử cho ly hôn hay bác yêu cầu hoặc công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các bên mà tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng theo quy định tại điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[3] Về nuôi con chung: Các bên xác định chung sống có 04 con chung tên Phạm Ngọc D sinh năm 1994, Phạm Diễm M sinh năm 1996, Phạm Diễm T sinh năm 1997 và Phạm Thanh N sinh ngày 09/7/2005. Hai bên tự nguyện thoả thuận và thống nhất 03 con chung đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết; còn con chung tên Phạm Thanh N thì giao cho chị Giang Thuỳ L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy anh B và chị L đã thỏa thuận và thống nhất về việc nuôi con chung khi ly hôn, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh B, chị L; không đặt ra xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu. Anh Phạm Thanh B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh B hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Khi có lý do chính đáng, anh B, chị L có quyền thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên xác định không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên HĐXX ghi nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Giang Thuỳ L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị L đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0001282 ngày 30/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí. Bị đơn Phạm Thanh B không phải nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1/**- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Giang Thuỳ L và anh Phạm Thanh B là vợ chồng.

**2/-** Về nuôi con chung: Giao chị Giang Thuỳ L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Thanh N sinh ngày 09/7/2005. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu. Anh Phạm Thanh B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con chung những người quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn trong trường hợp có căn cứ cho rằng người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3/-** Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**4**/- Án phí sơ thẩm: Chị Giang Thuỳ L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị L đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0001282ngày 30/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
(đã ký)

**Giang Thị Cẩm Thúy**

**Nơi nhận**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THA thị xã Giá Rai;
- Lưu hồ sơ.